

Số: 442 /BC-STC

Lai Châu, ngày 29 tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 trình HĐND cấp tỉnh**

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 được UBND tỉnh báo cáo - trình HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ mười hai tại Tờ trình số 4552/TTr-UBND ngày 23/11/2023. Sở Tài chính báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 trình HĐND tỉnh, cụ thể như sau:*

#### **A. DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2024**

**I. Dự toán thu NSDP:** Tổng thu NSDP năm 2024 là 10.686.315 triệu đồng, tăng 1,1% (116.310 triệu đồng) so với dự toán Trung ương giao, tăng 0,6% so với dự toán năm 2023.

#### **1. Tổng thu NSNN trên địa bàn**

Dự toán Trung ương giao: 2.105.200 triệu đồng (Thu nội địa: 2.060.200 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 45.000 triệu đồng).

Địa phương xây dựng dự toán: 2.236.000 triệu đồng (Thu nội địa: 2.181.000 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 55.000 triệu đồng), tăng 6% so với dự toán Trung ương giao, tăng 9% ước thực hiện năm 2023. Nếu loại trừ các khoản thu từ đất, thu xuất nhập khẩu thì dự toán 2024 tăng 6% so với dự toán Trung ương giao, cụ thể như sau:

1.1. Dự toán thu nội địa: Tổng số thu nội địa 2.181.000 triệu đồng (trong đó ngân sách địa phương hưởng: 2.045.210 triệu đồng).

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: Dự toán giao 1.027.200 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 25% so ước thực hiện dự toán năm 2023.

- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán giao 5.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 38% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu từ DNNN do địa phương quản lý: Dự toán giao 5.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 81% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự toán 536.000 triệu đồng, tăng 22% so với dự toán Trung ương giao, bằng 97% so ước thực hiện năm 2023.

- Lệ phí trước bạ: Dự toán 47.500 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán Trung ương giao, bằng 94% so ước thực hiện dự toán năm 2023.

- Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán 38.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao và so ước thực hiện dự toán năm 2023.

- Thuế bảo vệ môi trường: Dự toán 67.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao và so ước thực hiện dự toán năm 2023.

- Thu phí và lệ phí: Dự toán 30.400 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán Trung ương giao, bằng 93% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu tiền sử dụng đất: Dự toán 200.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 49% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán 16.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, tăng 45% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Dự toán 130.000 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán Trung ương giao, bằng 94% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu khác ngân sách: Dự toán 55.000 triệu đồng, tăng 38% so với dự toán Trung ương giao, bằng 91% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: Dự toán giao 200 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 100% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: Dự toán giao 200 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 87% so ước thực hiện năm 2023.

- Thu xổ số kiến thiết: Dự toán 23.500 triệu đồng, tăng 7% so với dự toán Trung ương giao, tăng 2% so ước thực hiện dự toán năm 2023.

1.2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Dự toán 55.000 triệu đồng, tăng 22% so với dự toán Trung ương giao, tăng 3,7% so ước thực hiện dự toán năm 2023.

**2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:**  
8.641.105 triệu đồng, bao gồm:

- Bổ sung cân đối: 5.531.490 triệu đồng.
- Bổ sung có mục tiêu: 1.387.233 triệu đồng.
- Bổ sung thực hiện các CTMTQG: 1.722.382 triệu đồng.

## **II. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn**

1. Ngân sách tỉnh: 1.696.800/1.884.200 triệu đồng, bằng 90% so với dự toán giao năm 2023.

2. Ngân sách huyện, thành phố: 539.200/565.800 triệu đồng, bằng 95% so với dự toán giao năm 2023.

- Huyện Tam Đường: 41.700/43.000 triệu đồng, bằng 97% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Huyện Phong Thổ: 72.900/59.000 triệu đồng, tăng 24% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Huyện Sìn Hồ: 29.000/32.000 triệu đồng, bằng 91% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Huyện Nậm Nhùn: 38.600/36.100 triệu đồng, tăng 7% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Huyện Mường Tè: 52.600/60.000 triệu đồng, bằng 88% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Huyện Than Uyên: 62.600/64.000 triệu đồng, bằng 98% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Huyện Tân Uyên: 62.700/68.000 triệu đồng, bằng 92% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2023.

- Thành phố Lai Châu: 179.100/203.700 triệu đồng, bằng 88% so với dự toán giao HDND tỉnh giao năm 2023.

## **II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

### **1. Nguyên tắc phân bổ**

*Thứ nhất*, bố trí chi thường xuyên theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; triệt để tiết kiệm gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao tự chủ đơn vị sự nghiệp công phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù từng lĩnh vực, cắt giảm tối đa chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước và các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

*Thứ hai*, bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi vay theo kế hoạch trả nợ năm 2024; quản lý chặt chẽ các khoản vay theo khế ước đã ký.

*Thứ ba*, Đảm bảo thực hiện triệt để tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ dự toán, lồng ghép sử dụng các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo hướng ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương thay vì sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đối với các nhiệm vụ chi, chế độ, chính sách thuộc các lĩnh vực chi theo phân cấp thuộc nhiệm vụ chi của cả Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương nhằm giảm thiểu áp lực chi đối với Ngân sách địa phương.

*Thứ tư*, dành nguồn kinh phí cho triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và các Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã ban hành.

*Thứ năm*, Đảm bảo nguồn để chi trả các chế độ tiền lương, phụ cấp tiền lương và các chế độ chính sách tính theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng; ưu tiên chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học công nghệ; các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh thuộc nhiệm vụ của địa phương và chi thực hiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

*Thứ sáu*, bố trí dự phòng, quỹ dự trữ tài chính để đảm bảo nguồn xử lý kịp thời nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm; thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

*Thứ bảy*, bố trí một phần kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố thực hiện duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và hỗ trợ các huyện đạt chuẩn nông thôn mới gắn với nhiệm vụ đối ứng kinh phí sự nghiệp để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

### **Trên cơ sở đó, dự kiến bố trí dự toán chi NSNN năm 2024 như sau:**

Tổng chi ngân sách trung ương giao: 10.578.805 triệu đồng. Tổng chi ngân sách địa phương: 10.693.415 triệu đồng, tăng: 114.610 triệu đồng tương ứng tăng 1,1% so với dự toán Trung ương giao. Chi ngân sách cấp tỉnh: 4.977.134 triệu đồng, chi ngân sách huyện, thành phố: 5.716.281 triệu đồng.

**2. Chi cân đối ngân sách địa phương:** Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 7.606.263 triệu đồng, tăng 1,8% so với dự toán Trung ương giao.

2.1. Chi đầu tư phát triển: 881.792 triệu đồng, giảm 0,1% so với dự toán Trung ương giao; chiếm 11,6% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

2.2. Chi trả nợ lãi: 608 triệu đồng.

2.3. Chi thường xuyên: 6.456.481 triệu đồng, tăng: 19.991 triệu đồng (tương ứng tăng 0,3%) so với dự toán Trung ương giao, chiếm 85% tổng chi cân đối NSDP.

Dự toán phân bổ đảm bảo theo định mức, chế độ chính sách cho con người (đã bao gồm các chính sách an sinh xã hội theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025), bố trí các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; đẩy mạnh tiết kiệm, thực hiện cơ cấu lại các khoản chi thường xuyên gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ về tài chính; phần chi thường xuyên còn lại bố trí đảm bảo tiết kiệm, yêu cầu sử dụng hiệu quả để duy trì các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, vận hành, duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, trong đó có một số nội dung như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 628.930 triệu đồng. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp bao gồm cả mô hình khuyến nông - khuyến lâm; kinh phí sự nghiệp giao thông, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chính sách phát triển đất trồng lúa; hỗ trợ kinh phí cho các huyện Tam Đường, Tân Uyên dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và tiếp tục hỗ trợ huyện Tân Uyên hoàn thành tiêu chí nông thôn mới; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các sự nghiệp kinh tế khác; bố trí đáp ứng đủ nhu cầu kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Riêng kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, bố trí bằng 90% nhu cầu kinh phí.

(2) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 32.482 triệu đồng. Trong đó đã bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh.

(3) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 2.962.360 triệu đồng, tăng 0,8% so với dự toán Trung ương giao.

- Dự toán phân bổ đảm bảo các chế độ chính sách đối với đội ngũ giáo viên, viên chức, hợp đồng lao động thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo dự kiến theo biên chế tại dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về quyết định tổng biên chế công chức, phê duyệt số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự

nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh năm 2024<sup>1</sup> và học sinh theo quy định của Trung ương và địa phương; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo; kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đặc thù của địa phương thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề như: Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trẻ em mầm non ở các xã chuyển từ khu vực III sang khu vực I theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND; chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND; kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kinh phí hỗ trợ công tác xóa mù chữ năm 2023,2024 theo Nghị quyết 57/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Đổi ứng thực hiện công tác xóa mù chữ thuộc chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường vùng đặc biệt khó khăn, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học theo kế hoạch; hỗ trợ trợ kinh phí tổ chức hội khỏe Phù Đổng lần thứ IX; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của HĐND tỉnh về hỗ trợ cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và những người không hưởng lương, phụ cấp từ NSNN tham gia công tác đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ trên địa bàn tỉnh năm 2023,2024...

- Bố trí kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn; bố trí kinh phí đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã theo Nghị quyết tỉnh Đảng bộ; kinh phí thực hiện nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật: đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ công chức của các sở, ngành theo biên chế và kế hoạch của cấp có thẩm

---

<sup>1</sup> Đối với hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của các đơn vị sự nghiệp Nhóm 4 thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết quyết định tổng biên chế công chức, phê duyệt số lượng người làm việc; hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh Lai Châu năm 2024: Chỉ thực hiện giao kinh phí (đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ) khi cơ quan, đơn vị đã thực hiện tuyển dụng hoặc ký kết hợp đồng lao động để làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung vượt số lượng người làm việc đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

quyền và cho những người không hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước trong công tác đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ trên địa bàn tỉnh.

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo các Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh ban hành...

(4) Chi sự nghiệp y tế: 789.023 triệu đồng, đã giảm chi thường xuyên hỗ trợ từ ngân sách gắn với giảm biên chế hưởng lương từ NSNN theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Dự toán kinh phí đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của toàn ngành y tế; hỗ trợ tiền ăn và chi phí đi lại cho bệnh nhân nghèo; phụ cấp ưu đãi đối với ngành y tế; phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế thôn, bản; kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; kinh phí đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo hiệp định đã ký kết; kinh phí mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị; kinh phí phòng chống dịch bệnh; hỗ trợ kinh phí mua BHYT theo quy định; kinh phí hỗ trợ mức đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh về quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sỹ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

(5) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 12.639 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán Trung ương giao. Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ưu tiên bố trí các nhiệm vụ chuyển tiếp, kinh phí thực hiện các Nghị quyết của tỉnh trên cơ sở không thấp hơn dự toán Trung ương giao theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

(6) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 99.902 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các hoạt động văn hóa; kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2023<sup>2</sup>.

(7) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 51.455 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền Chủ trương đường lối của Đảng,

---

<sup>2</sup> Đã bao gồm kinh phí hoạt động của Báo Lai Châu, do thực hiện Quyết định số 682-QĐ/TU ngày 09/12/2022 của Tỉnh ủy Lai Châu, từ năm 2023 đối với Báo Lai Châu được giao biên chế là viên chức, do đó định mức chi thường xuyên theo tiêu chí biên chế của cấp có thẩm quyền giao được vận dụng quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh. Tuy nhiên định mức trên mới chỉ đảm bảo chi lương của đơn vị chưa đảm bảo chi hoạt động khác, do đó để đảm bảo hoạt động thường xuyên tính theo tiêu chí biên chế của đơn vị thì tính bù cơ cấu chi lương, các khoản có phụ cấp có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương 85%, chi thường xuyên cho hoạt động khác 15%.

chính sách pháp luật của Nhà nước; kinh phí thuê kênh và đường truyền phát sóng kênh truyền hình Lai Châu trên vệ tinh Vinasat1 và trên hệ thống dịch vụ truyền hình Cap...

(8) Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 22.959 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các giải thi đấu theo kế hoạch, kinh phí thực hiện đề án đào tạo năng khiếu thể dục thể thao cho vận động viên thành tích cao.

(9) Chi đảm bảo xã hội: 222.310 triệu đồng. Đã bao gồm bố trí kinh phí chi trợ cấp thường xuyên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm cho người dân tộc thiểu số làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp; Kinh phí thực hiện cai nghiện bắt buộc và kinh phí thực hiện cai nghiện tự nguyện theo Nghị quyết số 37/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh...

(10) Chi quản lý hành chính: 751.484 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024; kinh phí thực hiện các chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng, kinh phí tổ chức đại hội của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ hàng tháng cho đảng viên được tặng Huy hiệu đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đối với các nhiệm vụ đặc thù khác, bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hạn chế các khoản mua sắm trang thiết bị, tổ chức hội nghị, hội thảo...

(11) Chi ngân sách xã, phường, thị trấn: 592.530 triệu đồng. Đã đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở và kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, Ngoài ra hỗ trợ các xã, phường, thị trấn 100 triệu đồng/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh.

Riêng kinh phí thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ. Dự toán kinh phí được xác định trên cơ sở Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu trình HĐND tỉnh vào kỳ họp thứ 19, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV.



(12) Chi khác ngân sách: 52.085 triệu đồng. Bố trí kinh phí chi cho công tác tôn giáo; bổ sung quỹ cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách; các khoản chi khác, trích lập quỹ thi đua khen thưởng; hỗ trợ các đơn vị Tòa án Nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh...

(13) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh: 55.000 triệu đồng

2.4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

2.5. Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương: 80.367 triệu đồng.

2.6. Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương: 3.000 triệu đồng.

2.7. Dự phòng ngân sách: 183.015 triệu đồng, bằng 2,4% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2024.

**3. Chi thực hiện các Chương trình MTQG: 1.722.382 triệu đồng<sup>3</sup>, bao gồm:**

3.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 521.102 triệu đồng

3.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 114.765 triệu đồng

3.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.086.515 triệu đồng.

**4. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.364.770 triệu đồng, giảm 25% so với dự toán năm 2023, bao gồm:**

4.1. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn đầu tư xây dựng cơ bản*): 1.270.750 triệu đồng, giảm 24% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2023.

4.2. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn sự nghiệp*): 94.020 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2023.

### **III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024**

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2024, cần

---

<sup>3</sup> Đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 251.498 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & miền núi: 473.713 triệu đồng thực hiện phân bổ chi tiết sau. Do hiện nay Chính phủ ban hành Tờ trình số 557/TTr-CP ngày 16/10/2023 về các cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trình tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Theo đó, Chính phủ đề xuất Quốc hội xem xét Quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn NSTW hằng năm thực hiện các Chương trình MTQG theo tổng kinh phí của từng Chương trình, không quyết định phân bổ chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi; Giao HĐND cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn NSNN hằng năm của từng Chương trình MTQG chi tiết đến từng dự án thành phần và lĩnh vực chi. Như vậy nếu được Quốc hội thông qua đề xuất trên, trường hợp địa phương đã phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & miền núi thì để dẫn tới phải điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn.

quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương lớn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh. Trong đó, tập trung tổ chức thực hiện 06 nhóm giải pháp trọng tâm với 16 nhiệm vụ cụ thể như sau:

*Một là, phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSDP ở mức cao nhất để tạo nguồn lực tối đa cho hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, triển khai kịp thời các chính sách pháp luật về thu NSNN, tăng cường công tác quản lý thu.*

(1) Triển khai đầy đủ và kịp thời các chính sách thuế nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, ổn định nguồn thu NSNN.

(2) Tăng cường chống thất thu qua công tác giám sát, kiểm tra thực hiện đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại. Quản lý chặt chẽ công tác kê khai, nộp thuế, đôn đốc doanh nghiệp nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước. Theo dõi sát sao, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi chây ì nợ thuế, trốn thuế, gian lận thuế, lợi dụng chính sách hoàn thuế, thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ rủi ro của người nộp thuế.

(3) Triển khai thực hiện công tác chống thất thu thuế, thu hồi nợ đọng thuế. Tăng cường sự phối hợp các sở, ngành và các huyện, thành phố trong công tác kết nối, khai thác, đối chiếu chéo thông tin, chốt thuế, quản lý hiệu quả các nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh qua mạng; quản lý đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, thuế TNCN của cá nhân có nhiều nguồn thu nhập... để tăng thu cho ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế GTGT, tổ chức việc thu ngân sách nhà nước hiệu quả.

(4) Đẩy mạnh chuyên đổi số, điện tử hóa trong quản lý thuế ở tất cả các khâu như quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, quản lý hóa đơn điện tử, tiếp tục điện tử hóa đối với công tác quản lý lệ phí trước bạ, các loại phí, lệ phí... Đồng bộ, kết nối cơ sở dữ liệu với các cơ quan quản lý nhà nước để quản lý đối với các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản...

(5) Kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các quy định pháp luật tài chính về đất đai theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị trung ương 5 khóa XIII đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư.

*Hai là, tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN gắn với các mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững.*

(6) Tập trung nguồn lực bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của Tỉnh, các công trình trọng điểm của tỉnh, công trình có tính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, như: dự án Hàm đường bộ qua Đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128; dự án nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km00-Km21 huyện Tân Uyên; dự án nâng cấp đường tuần tra biên giới của khẩu Ma Lù Thàng – Lùng Than – Vàng Ma Chải...

Xác định đẩy nhanh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tiến độ các công trình, dự án trọng điểm là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Gắn tiến độ giải ngân, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công với trách nhiệm của người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân đầu tư công, trong đó có vướng mắc về đất đai, giải phóng mặt bằng, việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

(7) Bố trí đủ nguồn lực thực hiện phương án cải cách chính sách tiền lương từ ngày 01/7/2023 đối với khu vực công theo Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, xác định việc cải cách chính sách tiền lương là động lực quan trọng thu hút và giữ chân người tài làm việc, cống hiến cho khu vực Nhà nước. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm các nhiệm vụ về chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các nhiệm vụ quan trọng thiết yếu. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ. Triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền.

(8) Quản lý, kiểm soát chặt chẽ nợ công, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay cho các công trình, dự án theo kế hoạch vay đã ký kết, thực sự có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cân đối theo khả năng ngân sách địa phương.

(9) Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính – NSNN; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Xử lý nghiêm các vi phạm trong đấu thầu, mua sắm tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản, NSNN.

*Ba là, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập.*

(10) Đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn với năng lực, hiệu quả công việc. Khuyến khích, động viên và bảo

vệ người dám nghĩ dám làm, có ý tưởng đột phá trong thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích chung của Nhà nước, cơ quan, đơn vị. Kiên quyết xử lý tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn trong thực thi nhiệm vụ.

(11) Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và các Kết luận của Bộ Chính trị. Đánh giá đúng, đủ dựa trên chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc thực tế, tránh tình trạng cào bằng khi thực hiện giảm biên chế, thu gọn đầu mối các cơ quan, đơn vị.

(12) Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, tham mưu ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định giá dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.

*Bốn là, thực hiện quyết liệt, thực chất, có hiệu quả tái cơ cấu doanh nghiệp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn với đổi mới quản trị theo các chuẩn mực tiên tiến; đẩy mạnh chuyển đổi số, tham gia vào chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số.*

(13) Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, khuyến khích đổi mới sáng tạo và quản trị; bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực Nhà nước giao; đảm bảo việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và nền kinh tế.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu lực công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước. Tiếp tục rà soát kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin doanh nghiệp và tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

*Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số; tiếp tục cải thiện thực chất môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tăng tính công khai, minh bạch.*

(14) Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính.

(15) Các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển, sẵn sàng các điều kiện cần thiết thu hút đầu tư, phục hồi mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh đã kiểm soát tốt đại dịch COVID-19. Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực

trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp; xác định rõ các giải pháp, nhiệm vụ, trách nhiệm triển khai và nguồn lực của từng cấp, từng ngành, tránh việc đầu tư dàn trải, thiếu tính liên thông kết nối, lãng phí nguồn lực, thiếu hiệu quả.

*Sáu là, thực hiện quản lý giá theo nguyên tắc thị trường.*

(16) Theo dõi sát diễn biến cung cầu, thị trường, giá cả, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá, kết hợp với cơ quan quản lý thuế để ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 trình HĐND cấp tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh uỷ;
- TT. HĐND;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quý Dương**